

Bản án số: 34/2024/DS - ST  
Ngày: 27/9/2024  
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT – TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thơm và bà Nguyễn Thị Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:** Ông Lục Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 80/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 134/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Đức H, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số 45 Phù Đ, phường Tân A, thành phố Buôn Ma T, tỉnh Đắk L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung X, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N – là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 00004782, quyền số 05/2024/TP/CC-SCC/HĐGD).

Bị đơn: Ông Quách Cao T và bà Lê Thị T.

Cùng địa chỉ: Thôn Nam T, xã Ea P, huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

(Ông X, bà T có mặt, ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do ông Nguyễn Trung X đại diện trình bày:***

Gia đình ông Đào Đức H, bà Lê Thị Hồng L và gia đình ông Quách Cao T, bà Lê Thị T có quen biết nhau. Trong năm 2022 gia đình ông Quách Cao T và bà Lê Thị T có hỏi mượn tiền của gia đình ông H cụ thể như sau: Ngày 09/7/2022 ông T và bà T có mượn của gia đình ông H số tiền 239.000.000 (*Hai trăm ba mươi chín triệu*) đồng để bổ sung vốn phục vụ cho việc làm ăn. Vì tin tưởng ông T và bà T nên ông H đã cho ông T và bà T mượn số tiền trên. Khi mượn tiền ông T và bà T có viết giấy mượn

tiền và ký tên xác nhận bên vay, ngoài ra trong giấy vay tiền hai bên còn thỏa thuận mức lãi suất mà bên vay phải trả hàng tháng là 1%/tháng cho đến khi trả nợ xong, thời hạn trả nợ ngày 09/8/2022. Thực hiện nội dung thỏa thuận này, ông H đã giao số tiền 239.000.000 đồng cho ông T và bà T. Tuy nhiên về phía ông T và bà T không thực hiện cam kết của mình là trả lãi hàng tháng cho ông H, khi đến hạn trả nợ ông T và bà T không trả cả gốc và lãi theo thỏa thuận, mặc dù nhiều lần ông H yêu cầu.

***Nay ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án:***

Buộc ông Quách Cao T và bà Lê Thị T phải trả cho ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L tổng số tiền gốc và lãi tính từ ngày 10/8/2022 đến ngày 10/6/2024 là 291.580.000 (*Hai trăm chín mươi một triệu năm trăm tám mươi nghìn*) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 239.000.000 (*Hai trăm ba mươi chín triệu*) đồng.

+ Nợ lãi từ ngày 10/8/2022 đến ngày 10/6/2024 là 22 tháng, lãi suất là 1%/tháng thành tiền là:  $239.000.000 \times 1\% \times 22 \text{ tháng} = 52.580.000$  (*Năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi nghìn*) đồng.

\* *Đối với bị đơn ông Quách Cao T và bà Lê Thị T:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

**\* Tại phiên tòa:**

- Người được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc ông Quách Cao T và bà Lê Thị T phải trả cho ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L tổng số tiền gốc và lãi tính từ ngày 10/8/2022 đến ngày xét xử ngày 27/9/2024 là 298.750.000 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 239.000.000 đồng.

+ Nợ lãi từ ngày 10/8/2022 đến ngày xét xử ngày 27/9/2024 là 25 tháng, lãi suất là 1%/tháng thành tiền là:  $239.000.000 \times 1\% \times 25 \text{ tháng} = 59.750.000$  đồng.

- Bị đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà xác nhận vợ chồng bà là Quách Cao T và Lê Thị T có vay vợ chồng ông Đào Đức H và Lê Thị Hồng L số tiền 239.000.000 đồng như lời đại diện nguyên đơn trình bày. Khi vay hai bên có viết Giấy vay tiền ngày 09/7/2022, vợ chồng bà cùng ký tên vào giấy vay tiền này, lãi suất 1%/tháng và hạn đến ngày 09/8/2022 sẽ trả hết nợ. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L bà đồng ý vợ chồng bà còn nợ ông Hùng và bà Lý tính tới thời điểm xét xử là 298.750.000 đồng (trong đó nợ gốc 239.000.000 đồng và nợ lãi 59.750.000 đồng). Nhưng do hiện nay kinh tế gia đình hết sức khó khăn, chồng bà phải đi vào Thành phố Hồ Chí M làm ăn, bà phải ở nhà lo cho các con nên có đồng vợ chồng bà sẽ cố gắng trả cho ông H và bà L.

- Bị đơn ông Quách Cao T vắng mặt.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Bị đơn bà T cũng đã thừa nhận vợ chồng bà là Quách Cao T và Lê Thị T có vay của ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L số tiền 239.000.000 đồng vào ngày 09/7/2022, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 09/8/2022 phù hợp với Giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp. Từ khi vay đến nay ông T và bà T chưa trả được đồng nào cho ông H và bà L. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Quách Cao T và bà Lê Thị T phải trả cho ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L tổng số tiền gốc và lãi tính từ ngày 10/8/2022 đến ngày xét xử ngày 27/9/2024 là 298.750.000 đồng (trong đó nợ gốc 239.000.000 đồng và nợ lãi 59.750.000 đồng). Buộc ông T và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 239.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Quách Cao T và bà Lê Thị T có nơi cư trú tại: Thôn Nam T, xã Ea P, huyện Cư J, tỉnh Đắk N, vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hình thức: Bị đơn ông Quách Cao T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Thượng.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L yêu cầu bị đơn ông Quách Cao T và bà Lê Thị T và phải trả số tiền gốc 239.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Trung X đại diện theo ủy quyền của ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L cung cấp cho Tòa án chứng cứ sau:

- Giấy vay tiền có nội dung:

Hôm nay ngày 9/7/2022 tại Thôn Nam T, xã Eap, Cư J, Đắk N.

Vợ chồng chúng tôi là Quách Cao T và vợ là Lê Thị T, sinh ngày 08/9/1989.  
Địa chỉ: Thôn Nam T, xã Ea P, Cư J, Đắk N.

Có vay nợ ông Đào Đức H

Địa chỉ: 45 Phù Đ, Tân A, thành phố Buôn Ma T, Đắk L

Số tiền: 239.000.000 (*Hai trăm ba mươi chín triệu*) đồng

Và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị T cũng đã thừa nhận vợ chồng ông bà là Quách Cao T và Lê Thị T có vay của ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L số tiền 239.000.000 đồng vào ngày 09/7/2022 phù hợp với Giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp. Hiện nay ông T và bà T vẫn chưa trả đồng nào cho ông H và bà L. Giấy vay tiền chỉ có tên ông Đào Đức H (*là người cho vay*) tuy nhiên ông H và bà L là vợ chồng nên đây là tiền chung của ông H và bà L, cả hai đều có quyền chiếm hữu và định đoạt theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc 239.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Ông H và bà L yêu cầu ông T và bà T phải trả tiền lãi từ ngày 10/8/2022 đến ngày xét xử ngày 27/9/2024 là 25 tháng, lãi suất là 1%/tháng thành tiền là:  $239.000.000 \times 1\% \times 25 \text{ tháng} = 59.750.000$  đồng.

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 9/7/2022, thời hạn trả nợ vào ngày 9/8/2022, lãi suất vay 1%/tháng. Đây là hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn. Căn cứ Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định như sau:

*“2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.*

*Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).*

*b) Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc);*

*c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất do các bên thỏa thuận hoặc 150% lãi suất vay do các bên thỏa thuận) x (thời gian chậm trả nợ gốc)”*

Ông H bà L yêu cầu lãi suất 1%/tháng tương đương 12%/năm tính từ ngày ngày 10/8/2022 đến ngày xét xử ngày 27/9/2024 là 25 tháng, lãi suất là 1%/tháng thành tiền là: 239.000.000 x 1% x 25 tháng = 59.750.000 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.937.500 đồng.

Ông H và bà L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.289.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005100 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cho ông Hùng và bà Lý.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L

Buộc ông Quách Cao T và bà Lê Thị T phải trả cho ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L số tiền gốc là 239.000.000 (*Hai trăm ba mươi chín triệu*) đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2024 là 59.750.000 (*Năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng. Tổng cộng là: 298.750.000 (*Hai trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đào Đức H và bà Lê Thị Hồng L cho đến khi thi hành xong, ông

Quách Cao T và bà Lê Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T và bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.937.500 (*Mười bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng.

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.289.000 (*Bảy triệu hai trăm tám mươi chín nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005100 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cho ông H và bà L.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Ông Đào Đức H, bà Lê Thị Hồng L và bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Quách Cao T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS Huyện Cư Jút;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

